

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Đắk Pxi năm 2026**

Thực hiện Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; trên cơ sở tham mưu của phòng Văn hóa – Xã hội xã tại Tờ trình số 19/TTr-VHXXH ngày 31/3/2026⁽¹⁾, Ủy ban nhân dân xã Đắk Pxi xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đắk Pxi năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Ưu tiên nguồn lực để tăng tốc chuyển đổi số toàn diện xã Đắk Pxi; góp phần hình thành, khai thác dữ liệu thống nhất, vận hành thông minh; nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng dịch vụ công; thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; triển khai đầy đủ các yêu cầu cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nâng cao năng lực cụ thể hóa các chính sách, nhiệm vụ, lãnh đạo chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng (*Tổ CNSCD*).

2. Mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến hết năm 2026 hoàn thành các chỉ tiêu tại Phụ lục kèm theo.

II. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị.

- Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 (*Ban Chỉ đạo*) ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo năm 2026.

- Tăng cường ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức theo chỉ đạo tạo Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, Kế hoạch thực thi các Chương trình, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ

¹ về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số xã Đắk Pxi năm 2026.

chuyển đổi số.

- Rà soát, xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của địa phương phù hợp chính quyền địa phương 2 cấp, thúc đẩy chuyển đổi số, khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; triển khai Đề án của Trung ương, địa phương về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch 5 năm về chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế số - xã hội số giai đoạn 2026-2030.

- Triển khai chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ CNSCĐ sau khi cấp thẩm quyền ban hành.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục phối hợp triển khai phủ sóng di động tại các cụm dân cư đã có điện lưới Quốc gia, còn lờm sóng; phát triển internet băng rộng cố định đến hộ gia đình; phủ sóng 5G tại các khu vực đông dân cư.

- Tiếp tục triển khai phát triển dữ liệu, làm giàu dữ liệu; Tăng cường kết nối, thực hiện phân tích, tạo lập dữ liệu mới, đảm bảo dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động chính quyền địa phương và Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đáp ứng tiêu chuẩn, quy định. Ứng dụng AI nhằm đáp ứng nhu cầu học tập toàn dân theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

4. Nhân lực số

- Phân công, đề xuất tham gia công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính phủ số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; áp dụng dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo...

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 về thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/10/2025 triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Kế hoạch số 50/KH-

UBND ngày 27/09/2025 triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 12/12/2025 về triển khai thực hiện Đề án xây dựng và quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo kết nối, chia sẻ CSDL với Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (IOC).

- Số hóa 100% hồ sơ giải quyết TTHC phát sinh trong hoạt động hằng ngày, thúc đẩy nâng cao tỷ lệ tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

6. An toàn thông tin mạng

- Triển khai đầy đủ, kịp thời đối với các khuyến cáo, cảnh báo của Bộ Công an, Công an tỉnh; tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn trên không gian mạng, tổ chức hoạt động đào tạo trực tuyến cho người dân, người lao động và đưa nội dung hướng dẫn về an toàn thông tin vào hoạt động của Tổ CNSCĐ.

- Tham gia đầy đủ các hoạt động diễn tập thực chiến, các hoạt động trong mạng lưới an toàn thông tin do tỉnh tổ chức đề nâng cao kỹ năng thực chiến.

- Phối hợp tổ chức hoạt động kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn thông tin.

- Triển khai công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các các HTTT, CSDL (*nhất là các CSDL quốc gia, các CSDL ngành*) do địa phương quản lý, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Triển khai sử dụng có hiệu quả Hệ thống phòng chống mã độc tập trung của tỉnh.

7. Chính quyền số

a) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến.

- Phối hợp rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của xã đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn về dịch vụ công trực tuyến để bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Thực hiện rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính còn bất cập; bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử

b) Quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số.

- Triển khai hiệu quả Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030. Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng; Văn bản số 1876/BKHCN-CĐSQG ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xác định hạ tầng số, phần mềm, ứng dụng dùng chung (cấp trung ương, tỉnh xã) để tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; Văn bản số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc

- Triển khai các nội dung để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (chatbot AI) phục vụ công việc.

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung thúc đẩy kinh tế số 5 nhóm ngành, lĩnh vực trọng tâm theo Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 21/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phát triển kinh tế số và xã hội số khu vực nông thôn theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025.

b) Triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển xã hội số

- Thúc đẩy triển khai hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh về cơ quan thuế.

- Hướng dẫn cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử.

- Tiếp tục triển khai trường học số, ưu tiên trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; công tác giảng dạy và học tập; ứng dụng hồ sơ học bạ điện tử; thanh

toán không dùng tiền mặt.

- Tiếp tục triển khai Trạm Y tế số, ưu tiên phục vụ công tác quản lý hành chính tại Trạm Y tế.

- Nâng cao nhận thức, kỹ năng và mức độ tham gia của người dân vào xã hội số; Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong đời sống, học tập, lao động, quản lý xã hội.

- Phát triển các mô hình xã hội số tiêu biểu: Tổ công nghệ số cộng đồng; Khu dân cư số; Chợ số – tiểu thương số...

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Đẩy mạnh truyền thông về Chuyển đổi số; tiếp tục tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia bằng phương thức mới, cách làm mới; thực hiện truyền thông chuyển đổi số trên môi trường đa nền tảng, huy động nguồn lực truyền thông xã hội trong truyền thông chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số, Mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số và đặc biệt, lấy hoạt động của Tổ CNS CĐ là hạt nhân, nòng cốt trong truyền thông và nâng cao kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin trong cộng đồng.

III. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động BCD về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 xã; kế hoạch hoạt động triển khai nội dung trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; tổ chức phiên họp định kỳ để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá chỉ đạo đối với nhiệm vụ giao cho địa phương; thực hiện đánh giá chuyển đổi số (DTI) sử dụng kết quả trong đánh giá hàng năm về trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh

Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

3. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Thực hiện biện pháp bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Động viên cán bộ công chức, viên chức và nhân dân tự học hỏi, nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số.

4. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Thực hiện đảm bảo ngân sách cho chuyển đổi số theo quy định.
- Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, lồng ghép sử dụng các nguồn hợp pháp khác cho chuyển đổi số như nguồn vốn từ Chương trình MTQG; sử dụng nguồn vốn đảm bảo theo quy định, quy trình quản lý, hiệu quả.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục thực hiện đạt kết quả các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu đến hết năm 2025 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó chú trọng các chỉ tiêu về hạ tầng mạng, an toàn thông tin, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, dịch vụ công trực tuyến, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực tại xã; chuẩn bị cho việc kết thúc giai đoạn phát triển Chính quyền điện tử vào cuối năm 2025, sẵn sàng phát triển Chính quyền số năm 2026. Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

- Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu năm 2026 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; trong đó tập trung việc mở rộng mạng 5G, phát triển IPv6; đẩy mạnh xây dựng Chính quyền số, hướng tới đơn giản hóa thủ tục hành chính, đạt 100% dịch vụ công trực tuyến và triển khai hiệu quả Đề án 06 về dữ liệu dân cư.

- Tiếp tục tuyên truyền, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đồng thời, **ưu tiên giải quyết trước hạn đối với hồ sơ thủ tục hành chính** được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

2. Văn phòng HĐND-UBND xã: tiếp tục triển khai số hóa, quản lý, khai thác dữ liệu hộ tịch, cập nhật dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

3. Phòng Kinh tế

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hoàn thành đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin đất đai trên phạm vi toàn xã, số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc lĩnh vực đất đai, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Phối hợp phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan

tham mưu cấp có thẩm quyền đề xuất bố trí kinh phí; phân bổ nguồn kinh phí được giao để triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu UBND xã bố trí nguồn chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ, dự án theo quy định.

4. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các phòng, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

- Tăng cường công tác tham mưu về hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 của xã; hướng dẫn hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng, các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các giải pháp kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của xã.

5. Công an xã

- Tiếp tục tổ chức làm sạch, cập nhật đầy đủ, chính xác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp trên các hệ thống thông tin, ứng dụng định danh điện tử (VNeID) theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của an ninh mạng; hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn, hoạt động các loại tội phạm trên không gian mạng, từ đó, ý thức được vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ an ninh mạng và xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh.

- Phối hợp với phòng Văn hóa – Xã hội, các đơn vị có liên quan đảm bảo an toàn, an ninh các hệ thống thông tin của xã.

6. Trung tâm phục vụ hành chính công xã

- Chỉ đạo toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị mình tiếp tục hướng dẫn công dân chuyển đổi sang sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID để đăng nhập vào Cổng dịch vụ công và tham gia thực hiện dịch vụ công trực tuyến; sử dụng có hiệu quả các tính năng khai thác thông tin cá nhân, thông tin các loại giấy tờ đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNeID phục vụ kiểm tra, đối chiếu thay thế cho việc xuất trình các loại giấy tờ vật lý trong thực hiện các giao dịch, giải quyết thủ tục hành chính.

- Triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục

hành chính còn hiệu lực theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

7. Trạm y tế xã: Tăng cường công tác tuyên truyền người dân tích hợp BHYT, sử dụng Sổ sức khỏe điện tử; liên thông giấy chuyển tuyến, hẹn khám lại trên VneID góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

8. Các Trường học trên địa bàn xã: Duy trì và phát huy hiệu quả các nền tảng số, dữ liệu số ngành giáo dục; triển khai Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

9. Trang thông tin điện tử xã: Thường xuyên cập nhật và phổ biến thông tin chính xác về chủ trương, chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số; tuyên truyền các mô hình, câu chuyện thành công trong chuyển đổi số, nhằm tạo động lực và cảm hứng cho các tổ chức, cá nhân khác học tập và làm theo.

Yêu cầu các phòng, đơn vị triển khai thực hiện; báo cáo tiến độ, kết quả (trước ngày 10/11) về Ủy ban nhân dân xã (qua phòng Văn hóa – Xã hội) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc phát sinh, các phòng, đơn vị kịp thời phản ánh về phòng Văn hóa – Xã hội để giải quyết theo thẩm quyền; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết đối với nội dung vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch các PCT UBND xã;
- Công an xã;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Tổ Công nghệ số cộng đồng các thôn;
- Lưu: VT, VHXH_(HTD).

(b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Cường

Phụ lục
MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
I	Chính quyền số		
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	100%	
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	100%	
4	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID	100%	
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đủ điều kiện	100%	
6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	90%	
7	Tỷ lệ các dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI	30%	
8	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại xã được xử lý trên môi trường điện tử (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	100%	Văn phòng HĐND - UBND xã; phòng Văn hóa – Xã hội
9	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo	100%	
10	Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các địa phương được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	
II	Hạ tầng và dữ liệu số		
1	Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ LAN tại cơ quan, đơn vị hoạt động thông suốt và an toàn thông tin	Hoàn thành	Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng và liên thông từ Trung ương đến cấp xã	90%	Phòng Văn hóa – Xã hội
3	Tỷ lệ Đài truyền thanh cấp xã có Ứng dụng công nghệ (Truyền thanh thông minh)	100%	

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
4	Tỷ lệ hoàn thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh	50%	Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân xã
5	Tỷ lệ bộ dữ liệu dùng chung của tỉnh được công khai dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp và nghiên cứu	20%	
III	Kinh tế số và Xã hội số		
1	Quy mô kinh tế số chiếm tỉ trọng trong GRDP	12%	Phòng Kinh tế
2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử	80%	
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	50%	
4	Tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản định danh điện tử mức 2 (VNeID).	87%	Công an xã
5	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đảm bảo “đúng - đủ - sạch - thống nhất - dùng chung”	83%	Trạm Y tế
6	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn xã triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt	100%	Các Trường học trên địa bàn xã
IV	An toàn thông tin		
1	Tỷ lệ các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân xã triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ	100%	Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân xã
2	Đảm bảo người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo an toàn thông tin	100%	Công an xã; phòng Văn hóa – Xã hội
V	Nguồn nhân lực		
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được tham gia bồi dưỡng kỹ năng số căn bản, AI	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
2	Tỷ lệ Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả, duy trì tập huấn	100%	
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên có kế hoạch và triển khai hoạt động phổ cập kỹ năng số cho học sinh	100%	Các Trường học trên địa bàn xã
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành được tiếp cận, tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng số cơ bản	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội